

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **6898** /BTC-ĐT

V/v Rà soát, báo cáo tình hình thu hồi vốn kế hoạch năm 2011 chưa giải ngân hết theo văn bản số 3980/BTC-ĐT ngày 26/3/2012 và số 14187/BTC-ĐT ngày 16/10/2012 của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) Hà Tĩnh

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012, Bộ Tài chính đã có văn bản số 3980/BTC-ĐT ngày 26/3/2012 và văn bản số 14187/BTC-ĐT ngày 16/10/2012 về việc báo cáo tình hình thu hồi vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương và vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2011 chưa giải ngân hết.

Trên cơ sở báo cáo của các địa phương, Bộ Tài chính đã tổng hợp, rà soát số liệu kế hoạch các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2011 do Thủ tướng Chính phủ giao, kế hoạch vốn địa phương triển khai phân bổ, số vốn đã giải ngân và số vốn còn lại chưa giải ngân phải thu hồi về ngân sách Trung ương theo quy định. Tuy nhiên, còn có sự chưa thống nhất về số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao với số kế hoạch vốn do địa phương phân bổ năm 2011 (chi tiết theo biểu đính kèm).

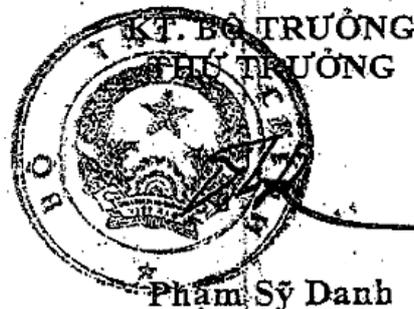
Để đảm bảo việc thu hồi số vốn chưa giải ngân về ngân sách Trung ương theo đúng Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh tại văn bản số 10767/VPCP-KTTH ngày 28/12/2012 về việc xử lý đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước địa phương và các cơ quan liên quan phối hợp rà soát, chuẩn xác số liệu kế hoạch các nguồn vốn, số vốn chưa giải ngân, số vốn phải hủy dự toán do chưa rút hết dự toán và gửi kết quả về Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) trước ngày 15/6/2013.

Trường hợp địa phương được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện, thanh toán một số nguồn vốn trong năm 2012, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) chỉ đạo các đơn vị thống kê số hiệu văn bản được phép kéo dài vào phần ghi chú của Biểu báo cáo.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Kho bạc Nhà nước (để phối hợp);
- Sở Tài chính tỉnh, thành phố ... *Hà Tĩnh*.....;
- Vụ NSNN;
- Lưu VT, Vụ ĐT.



09478099

**TỔNG HỢP**  
**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN, THU HỒI NGUỒN VỐN NSTW BỔ SUNG VÀ VỐN TPCP NĂM 2011 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**  
*(Phụ lục kèm theo văn bản số 6298/BTC-ĐT ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Nguồn vốn                                    | Kế hoạch năm 2011      |                                 |                | Vốn đã giải ngân địa phương báo cáo (*) |                         |                                      | Số vốn chưa giải ngân địa phương báo cáo (*) |                             |
|-------|--|------------------------|---------------------------------|----------------|---|-------------------------|--------------------------------------|--|-----------------------------|
|       |  | Kế hoạch Nhà nước giao | Kế hoạch địa phương báo cáo (*) | Chênh lệch     | Tổng số                                 | Trong đó,               |                                      | Tổng số                                      | Trong đó số vốn hủy dự toán |
|       |  |                        |                                 |                |   | Đến hết ngày 31/01/2012 | Được kéo dài sau 31/01/2012 (nếu có) |  |                             |
| A     | B  | 1                      | 2                               | 3              | 4=5+6                                   | 5                       | 6                                    | 7  | 8                           |
|       | <b>TỔNG SỐ</b>                               | <b>4.141.745</b>       | <b>3.848.422,7</b>              | <b>293.322</b> | <b>3.848.176,3</b>                      | <b>3.725.170,5</b>      | <b>123.005,7</b>                     | <b>246,3</b>                                 | <b>246,3</b>                |
| I     | <b>Nguồn vốn ngân sách Nhà nước</b>          | <b>3.089.950</b>       | <b>2.796.627,8</b>              | <b>293.322</b> | <b>2.796.627,8</b>                      | <b>2.673.622,0</b>      | <b>123.005,7</b>                     | <b>0,0</b>                                   | <b>0,0</b>                  |
| 1     | Vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu            | 1.547.000              | 1.651.892,8                     | -104.893       | 1.651.892,8                             | 1.625.199,9             | 26.692,9                             |  |                             |
| 2     | Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia           | 127.150                | 168.885,0                       | -41.735        | 168.885,0                               | 166.364,2               | 2.520,8                              |  |                             |
| 3     | Vốn bổ sung có mục tiêu trong năm, trong đó: | 870.800                | 890.850,0                       | -20.050,0      | 890.850,0                               | 853.830,8               | 37.019,1                             | 0,0  | 0,0                         |
| 3.1   | - Bổ sung từ nguồn vượt thu NSTW             | 845.800                | 817.500,0                       | 28.300         | 817.500,0                               | 784.727,1               | 32.772,9                             |  |                             |
| 3.2   | - Bổ sung từ nguồn dự phòng NSTW             | 25.000                 |                                 | 25.000         | 0,0                                     |                         |                                      |  |                             |
| 3.3   | - Bổ sung từ nguồn khác (nếu có)             |                        | 73.350,0                        | -73.350        | 73.350,0                                | 69.103,8                | 4.246,3                              |  |                             |
| 4     | Vốn ứng trước ngân sách trung ương           | 545.000                | 85.000,0                        | 460.000        | 85.000,0                                | 28.227,1                | 56.772,9                             |  |                             |
| II    | <b>Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ</b>        | <b>1.051.795</b>       | <b>1.051.794,9</b>              | <b>0</b>       | <b>1.051.548,5</b>                      | <b>1.051.548,5</b>      | <b>0,0</b>                           | <b>246,3</b>                                 | <b>246,3</b>                |
| 1     | Vốn các dự án giao thông                     | 372.000                | 372.139,1                       | -139           | 372.139,1                               | 372.139,1               |                                      | 0,0  | 0,0                         |
| 2     | Vốn các dự án thủy lợi                       | 388.000                | 387.860,8                       | 139            | 387.799,7                               | 387.799,7               |                                      | 61,1   | 61,1                        |
| 3     | Vốn các dự án Y tế                           | 87.000                 | 87.000,0                        | 0              | 86.957,5                                | 86.957,5                |                                      | 42,5   | 42,5                        |
| 4     | Vốn các dự án kiên cố hoá trường lớp học     | 65.745                 | 65.745,0                        | 0              | 65.602,2                                | 65.602,2                |                                      | 142,8  | 142,8                       |
| 5     | Vốn các dự án KTX sinh viên                  | 49.050                 | 49.050,0                        | 0              | 49.050,0                                | 49.050,0                |                                      |  |                             |
| 6     | Vốn ứng trước kế hoạch TPCP                  | 90.000                 | 90.000,0                        | 0              | 90.000,0                                | 90.000,0                |                                      |  |                             |

Ghi chú: (\*) Theo báo cáo ngày 29/10/2012 của Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh